

Số: 45/2021/QĐST-HNGĐ

*Hải Dương, ngày 15 tháng 11 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**

**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

**V/v công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Ông **Bùi Đăng Huy**.

***Thư ký phiên họp:*** Bà **Phạm Thị Minh Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:***  
Bà **Phạm Thị Thùy** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 224/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định mở phiên họp số 208/2021/QĐMPH-ST ngày 05 tháng 11 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:***

- Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: Thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. (*Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt*).

- Chị **Phạm Thị K**, sinh năm 1979;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan. (*Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của chị K: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: Thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị K tự do quen biết, sau khi tìm hiểu được khoảng gần hai năm thì được gia đình tổ chức đám cưới. Ngày 12/11/1999 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Chí Linh (nay là thành phố

Chí Linh), tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị về gia đình anh T chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Sau khi chị K sinh con thứ hai thì vợ chồng anh chị càng lạnh nhạt tình cảm. Khoảng cuối năm 2014 mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, anh chị thường xuyên cãi nhau, thiếu tôn trọng và xúc phạm nhau. Cuối năm 2016 chị K đi lao động tại Đài Loan. Từ khi chị K đi nước ngoài thì anh T và chị K ít khi nói chuyện, dần không ai quan tâm đến ai. Đến nay thì anh chị hoàn toàn chấm dứt tình cảm vợ chồng, không còn liên lạc gì, ly thân đã lâu và cả hai đều xác định không thể tiếp tục mối quan hệ vợ chồng nên cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh T chị K có 02 con chung gồm cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 24/8/2000 và cháu Nguyễn Thiện N, sinh này 08/01/2010. Hiện cháu D đã trưởng thành và đang lao động tại Hàn Quốc nên anh chị không đề nghị tòa án giải quyết. Cháu N hiện đang học lớp 6 tại trường Trung học cơ sở Phả Lại, thành phố Chí Linh và do anh T đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện chị K đang ở nước ngoài nên anh chị thống nhất đề nghị tòa án giải quyết cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Anh T và chị K tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh T và chị K cùng xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh T tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Anh T và chị K yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn. Anh Nguyễn Văn T hiện đang sinh sống ở Việt Nam, chị Phạm Thị K hiện đang sinh sống ở Đài Loan nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Các văn bản chị Phạm Thị K gửi về gồm Đơn xin ly hôn, đơn xin xét xử vắng mặt, bản tự khai, giấy ủy quyền toàn bộ giấy tờ này đều có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, theo quy định tại Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được công nhận là hợp pháp.

Chị Phạm Thị K hiện nay sinh sống ở Đài Loan không có điều kiện về Việt Nam nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án.

Anh T đồng ý nhận ủy quyền của chị K để giao nộp và nhận các tài liệu, giấy tờ, quyết định của tòa án và xác định sẽ có trách nhiệm thông báo và giao lại cho chị K các giấy tờ, tài liệu, quyết định của tòa án.

Tại phiên họp anh T và chị K vắng mặt nhưng đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên TAND tỉnh Hải Dương tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Anh T và chị K tự do quen biết, sau khi tìm hiểu được khoảng gần hai năm thì được gia đình tổ chức đám cưới. Ngày 12/11/1999 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình anh T hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Sau khi chị K sinh con thứ hai thì vợ chồng anh chị càng lạnh nhạt tình cảm. Khoảng cuối năm 2014 mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thiếu tôn trọng và xúc phạm nhau. Cuối năm 2016 chị K đi lao động tại Đài Loan. Từ khi chị K đi nước ngoài thì anh T và chị K ít khi nói chuyện, dần không ai quan tâm đến ai. Đến nay thì anh chị hoàn toàn chấm dứt tình cảm vợ chồng, không còn liên lạc gì, ly thân đã lâu và cả hai đều xác định không thể tiếp tục mối quan hệ vợ chồng nên cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Như vậy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị K đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

**[3] Về quan hệ con chung:** Anh T chị K có 02 con chung gồm cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 24/8/2000 và cháu Nguyễn Thiện N, sinh này 08/01/2010. Hiện cháu D đã trưởng thành và đang lao động tại Hàn Quốc nên anh chị không đề nghị tòa án giải quyết. Cháu N hiện đang học lớp 6 tại trường Trung học cơ sở Phả Lại, thành phố Chí Linh và do anh T đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện chị K đang ở nước ngoài nên anh chị thống nhất đề nghị tòa án giải quyết cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Anh T và chị K tự

thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xét thấy thỏa thuận của anh chị phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

**[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức:** Anh T và chị K cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

**[5] Về lệ phí:** Anh T tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

*Tại phiên họp, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T và chị K. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị K, giao con chung cháu Nguyễn Thiện N, sinh này 08/01/2010 cho anh T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh T chị K tự thỏa thuận nên không xem xét. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367, khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị K.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị K về việc anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thiện N, sinh này 08/01/2010 đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị K tự thỏa thuận.

Chị Phạm Thị K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

**3.** Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng do anh T đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai số **AA/2020/0004300 ngày 20/10/2021**. Anh T đã nộp đủ.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 15/11/2021.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh HD;
- Cục THADS tỉnh HD;
- UBND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Đăng Huy**